

Số: 1242/QĐ-HVKHXH

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-KHXH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-HVKHXH ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3876/QĐ-HVKHXH ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc ban hành Cấu trúc, khối lượng kiến thức và khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ vào Kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Khoa Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo,

#### QUYẾT ĐỊNH:

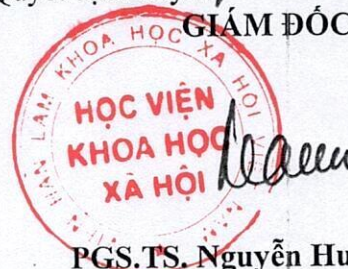
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học, mã số: 9229001 của Học viện Khoa học xã hội.

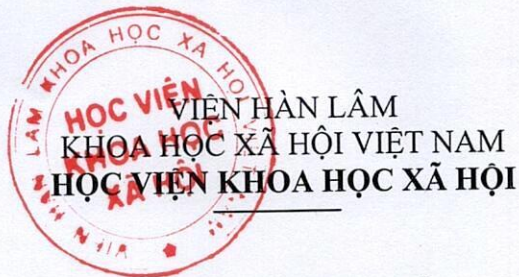
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa nghiên cứu sinh được công nhận trúng tuyển từ đợt 2 năm 2021.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Triết học - Xã hội học - Chính trị học và các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Khoa học xã hội và các nghiên cứu sinh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ GD&ĐT, Viện HL KHXH (để b/c)
- Ban GD (để chỉ đạo th/h)
- Lưu: VT, ĐT.





## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Ngành: **Triết học**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1242/QĐ-HVKHXH ngày 06 tháng 11 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Tên chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: *Tiến sĩ Triết học*
- Tiếng Anh: *Doctor of Philosophy in Philosophy*

#### 2. Mã ngành đào tạo: 9 22 09 01

#### 3. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

#### 4. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn:

- 03 năm (36 tháng đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ);
- 04 năm (48 tháng đối với nghiên cứu sinh có trình độ đại học, chưa qua đào tạo thạc sĩ)

#### 5. Số tín chỉ yêu cầu:

- 90 tín chỉ (đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ);
- 123 tín chỉ (đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ)

#### 6. Hình thức đào tạo: Chính quy

#### 7. Phương thức đào tạo: Tín chỉ

#### 8. Tên văn bằng cấp

- Tiếng Việt: *Tiến sĩ Triết học*
- Tiếng Anh: *Doctor of Philosophy in Philosophy*

#### 9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

#### 10. Đơn vị cấp bằng: Học viện Khoa học xã hội

#### 11. Tên khoa thực hiện chương trình đào tạo: Khoa Triết học - Chính trị học

12. Chương trình đào tạo này áp dụng đối với các khóa nghiên cứu sinh được công nhận trúng tuyển từ đợt 2 năm 2021.

### II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được thiết kế với mục tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học giúp nghiên cứu nâng cao trình độ và tri thức về triết học;

Giúp nghiên cứu sinh rèn luyện tư duy nghiên cứu và nâng cao khả năng độc lập nghiên cứu, có khả năng xác định vấn đề nghiên cứu, giải quyết vấn đề nghiên cứu mới trong lĩnh vực Triết học.

Nội dung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức nền tảng và nâng cao của chuyên ngành đào tạo; củng cố vững chắc về học thuyết và lý luận của ngành được đào tạo; cung cấp cho nghiên cứu sinh phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trên các diễn đàn học thuật trong nước và quốc tế.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Mục tiêu về kiến thức**

- MTKT01: NCS có khả năng vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu triết học.

- MTKT02: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức chuyên sâu và toàn diện thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Nghiên cứu sinh nắm vững kiến thức chuyên ngành triết học, kể cả phần lịch sử triết học và triết học Mác – Lênin, triết học mácxít hiện đại;

- MTKT03: Có kiến thức triết học hiện đại trên thế giới; có thể độc lập cập nhật những thành tựu mới nhất về triết học của thế giới; có thể độc lập nghiên cứu, sáng tạo về triết học trên lập trường duy vật biện chứng, khoa học, làm chủ các tri thức triết học Mác – Lênin, triết học mácxít và triết học hiện đại nói chung.

- MTKT04: nâng cao trình độ lý luận, nắm vững tri thức triết học và có khả năng ứng dụng vào nghiên cứu, tổng kết thực tiễn; có năng lực triển khai nghiên cứu độc lập, sáng tạo; phát triển tri thức mới của ngành và giải quyết những vấn đề mới;

- MTKT05: có khả năng phát triển chuyên ngành được đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn liên quan.

### **1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

- MTKN01: Nghiên cứu sinh có kỹ năng vận dụng các tri thức triết học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực triết học;

- MTKN02: kỹ năng khái quát các tri thức khoa học, phát triển và làm phong phú các tri thức triết học mácxít;

- MTKN03: có năng lực khái quát lý luận và tổng kết thực tiễn những vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực triết học;

- MTKN04: có thể độc lập quản lý nhóm nghiên cứu tiến hành các nghiên cứu lý luận triết học có hiệu quả các chương trình, đề tài hoặc các nhánh chương trình được giao ở các cấp khác nhau.

### **1.2.3. Mục tiêu về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

- MTNL01: Có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề về triết học; có thể độc lập đề xuất hợp lý các nguyên tắc, giải pháp trong quá trình giải quyết công việc;

- MTNL02: có thể đưa ra được những sáng kiến có giá trị trong nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn các vấn đề chuyên môn và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến;

- MTNL03: Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chuyên môn của tập thể; có thể có được những đề xuất lý luận và thực tiễn ở tầm của chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực triết học với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

- MTNL04: Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới gắn liền với chuyên môn của mình.

### **1.2.3. Vị trí việc làm**

- Giảng viên triết học tại các trường đại học, học viện, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên toàn quốc.

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu chuyên ngành như Viện Triết học, Viện Chính trị học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Văn hóa Nghệ thuật,...

- Giảng dạy và nghiên cứu các chuyên ngành: Lịch sử triết học, Chủ nghĩa Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đạo đức học, Mỹ học, Tôn giáo học, Logic học,...

- Cán bộ lý luận – chính trị trong hệ thống chính trị, làm việc tại các cơ quan của Đảng và Nhà nước: Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan nghiên cứu chiến lược cấp cao.

- Công tác tại các tổ chức chính trị – xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn... trong vai trò nghiên cứu, giáo dục chính trị, đào tạo cán bộ.

- Tham gia xây dựng, phản biện và đánh giá chính sách công, đặc biệt trong các lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, tôn giáo, đạo đức xã hội, phát triển cộng đồng.

- Tư vấn & Quản lý trong khu vực tư nhân và tổ chức phi chính phủ.

- Cố vấn đạo đức, tư tưởng, chiến lược nhân văn cho các tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức truyền thông.

- Chuyên viên phân tích chính sách, quản lý văn hóa, xây dựng chiến lược tại các tổ chức phát triển, NGO, viện nghiên cứu độc lập.

- Tham gia các dự án nghiên cứu liên ngành giữa triết học và các lĩnh vực như AI, công nghệ, giáo dục, truyền thông, chính sách công,...

### **1.2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ**

Có năng lực và phương pháp tự học tập, tự đào tạo thường xuyên, độc lập tích lũy kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn và có thể phát triển lý luận và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành triết học.

Nghiên cứu sinh có trách nhiệm vận dụng những kiến thức được trang bị để phát triển về khoa học chuyên ngành triết học

## **2. Chuẩn đầu ra**

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo nghiên cứu sinh tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

- CĐRKT01: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, phương pháp luận, thế giới quan khoa học, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời;

- CĐRKT02: Có năng lực và kiến thức toàn diện về triết học để nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu triết học.

- CĐRKT03: Có năng lực phản biện các vấn đề về triết học nảy sinh trong đời sống xã hội; năng lực tổng kết và đánh giá thực tiễn dưới góc độ triết học

- CĐRKT04: Biết vận dụng kiến thức triết học để lý giải các vấn đề chung của khoa học và thực tiễn; đánh giá và phản biện các tư tưởng triết học.

## **2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- CĐRKN01: Có kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề mới, phức tạp trong lĩnh vực triết học phát sinh trong bối cảnh mới;

- CĐRKN02: Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin hiệu quả, thuyết trình, đàm phán, lập luận, phản biện;

- CĐRKN03: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014);

- CĐRKN04: Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng, có khả năng sử dụng một số phần mềm để xử lý số liệu;

## **2.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

- CĐRNLO1: Có năng lực chủ động lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- CĐRNLO2: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi của bối cảnh toàn cầu, có năng lực dẫn dắt, chủ động hướng dẫn, giám sát công việc của các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ xác định;

- CĐRNLO3: Có tư duy đổi mới sáng tạo và năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể;

- CĐRNLO4: Có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng.

## **III. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Ứng viên dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học bao gồm công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện tham gia xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện. Xem chi tiết tại Thông báo tuyển sinh.

## **IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Giới thiệu tổng quan về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Triết học gồm các khối kiến thức bổ sung (dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ

tiến sĩ, nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ), các học phần trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Trong đó:

Các học phần bổ sung: Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng (trừ luận văn thạc sĩ) có khối lượng 33 tín chỉ (chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu); Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, phải học tối thiểu 6 học phần, tương đương với 12 tín chỉ.

Các học phần ở trình độ tiến sĩ gồm 8 tín chỉ, trong đó: 03 học phần bắt buộc có khối lượng 06 tín chỉ, 01 học phần tự chọn có khối lượng 02 tín chỉ. Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành. Các học phần tự chọn của ngành được xây dựng có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc giúp rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách thực hiện công trình khoa học.

Tiểu luận tổng quan (02 tín chỉ): Nghiên cứu sinh phải hoàn thành bài Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan được đánh giá bởi Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan do Giám đốc Học viện quyết định thành lập.

Các chuyên đề tiến sĩ (06 tín chỉ): Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ, mỗi chuyên đề có khối lượng 02 tín chỉ. Các chuyên đề tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá bởi Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ do Giám đốc Học viện quyết định thành lập.

Luận án tiến sĩ (74 tín chỉ): là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực Triết học, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

## **2. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

Cấu trúc chương trình đào tạo đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức.

Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao và từng khối kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế đảm bảo tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác.

Nội dung chương trình đào tạo bao gồm các khối kiến thức theo quy định, quy chế.

Dưới đây là bảng Khung chương trình đào tạo

TT	MSMH	Tên môn học	Số giờ TOÀN CẦU HOÁ				Hình thức đánh giá
			Tổng số TC	LT	ThH	TH	
<b>I</b>	<b>KHÔI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b>						
<b>1.1</b>	<b>Đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành phù hợp 2 với ngành đào tạo TS</b>		<b>12</b>				
1	KTCSN01	Triết học phương Tây: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
2	KTCSN02	Triết học Ấn Độ: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
3	KTCSN03	Triết học Trung Quốc: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
4	KTCSN04	Triết học Việt Nam: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
5	KTCSN05	Triết học C.Mác-Ph.Ăngghen và V.I.Lênin: các tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
6	KTCSN06	Triết học thế giới đương đại: Những trào lưu và chủ đề nổi bật	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
<b>1.2</b>	<b>Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ</b>		<b>33</b>				
<b>1.2.1</b>	<b>Khôi kiến thức chung</b>		<b>05</b>				
1	TS-HPBS02	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội	03	30	30	90	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
2	TS-HPBS03	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay	02	24	12	64	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
<b>1.2.2</b>	<b>Khôi kiến thức cơ sở và ngành</b>						
	<b>Bắt buộc</b>						
3	KTCSN01	Triết học phương Tây: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp
4	KTCSN02	Triết học Ấn Độ: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/Vấn đáp

5	KTCSN03	Triết học Trung Quốc: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
6	KTCSN04	Triết học Việt Nam: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
7	KTCSN05	Triết học C.Mác- Ph.Ăngghen và V.I.Lênin: các tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
8	KTCSN06	Triết học thế giới đương đại: Những trào lưu và chủ đề nổi bật	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
9	KTCSN07	Dân chủ: lý luận và thực tiễn	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
10	KTCSN08	Chủ nghĩa xã hội: lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
11	KTCSN09	Đạo đức và lối sống của người Việt Nam: Các giá trị truyền thống và hiện đại	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
12	KTCSN10	Triết học tôn giáo	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
<b>Tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)</b>			<b>06</b>				
13	KTCSN11	Xây dựng Đảng và những vấn đề mới về xây dựng Đảng ở Việt Nam hiện nay	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
14	KTCSN12	Các tổ chức xã hội	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
15	KTCSN13	Mỹ học	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
16	KTCSN14	Đạo đức học môi trường	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
17	KTCSN15	Triết học văn hóa, con người	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
18	KTCSN16	Toàn cầu hóa: bản chất, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
<b>KIẾN THỨC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ</b>							

<b>II</b>							
<b>2.1.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		02				
1	TS- HPCBB20	Thiết kế nghiên cứu khoa học xã hội: lý luận và thực tiễn	02	20	20	60	Thi tự luận
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành</b>						
	<b>Bắt buộc</b>		<b>04</b>				
1	TS- HPCNBB02	Triết học Mác – Lênin và thời đại ngày nay	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
2	TS- HPCNBB03	Triết học Việt Nam: Một số vấn đề cơ bản và cấp bách	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
	<b>Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</b>		<b>02</b>				
3	TS- HPCNTC04	Dân chủ: những vấn đề đương đại	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
4	TS- HPCNTC05	Một số chủ đề cấp bách về triết học giá trị trong thời đại ngày nay	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
5	TS- HPCNTC06	Những vấn đề triết học tôn giáo cấp bách trong thế giới đương đại	02	20	20	60	Thi tự luận/Tiểu luận/ Vấn đáp
<b>2.3</b>	<b>Tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>08</b>				
1		Tiểu luận tổng quan	02				HD chấm
2		Chuyên đề 1	02				HD chấm
3		Chuyên đề 2	02				HD chấm
4		Chuyên đề 3	02				HD chấm
<b>2.4</b>	<b>Nghiên cứu khoa học và luận án</b>		<b>74</b>				
1	<b>Nghiên cứu khoa học</b>						
	<p>Nghiên cứu sinh phải là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc có uy tín phát hành;</li> <li>- Hoặc bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo;</li> <li>- Hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;</li> </ul> <p>Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả) có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án</p>						

2	<b>Luận án tiến sĩ</b>
	Là tổng hợp báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

*Ghi chú:*

TC: tín chỉ của học phần

ThH: số tín chỉ thực hành, thảo luận

LT: số tín chỉ lý thuyết

TH: số tín chỉ tự học

(\*): Ghi số thứ tự của môn học tiên quyết/học phần học trước

(\*\*) MSMH của Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành là viết tắt của trình độ đào tạo, tên ngành, loại học phần và số thứ tự học phần.

### **3. Đánh giá kết quả học tập**

#### **3.1. Đánh giá quá trình:**

- Đánh giá thường xuyên;
- Bài kiểm tra; thuyết trình nhóm; tiểu luận...
- Đánh giá kết thúc học phần;
- Đánh giá chuyên đề Tiểu luận tổng quan;
- Đánh giá chuyên đề tiến sĩ;
- Đánh giá kết quả công bố khoa học;
- Đánh giá luận án.

#### **3.2. Đánh giá học phần:**

Tiểu luận, bài tập lớn (cá nhân hoặc theo nhóm), thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp.